

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Kịch bản nguồn nước (lần đầu)
trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 141/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1969/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Trên cơ sở các thông tin, số liệu của các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước lớn, quan trọng trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng và các Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn thời hạn mùa trên phạm vi toàn quốc của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Kịch bản nguồn nước (lần đầu) trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu công bố: phục vụ công tác điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông, góp phần bảo đảm an ninh nguồn nước, an ninh lương thực và các nhu cầu thiết yếu khác của người dân.

Làm căn cứ để các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên lưu vực sông, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chỉ đạo việc lập kế hoạch

khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với Kịch bản nguồn nước theo quy định tại khoản 1, khoản 5 và khoản 6 Điều 35 của Luật Tài nguyên nước và khoản 2 Điều 43 của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

2. Nội dung công bố của Kịch bản nguồn nước theo quy định tại khoản 4 Điều 41 của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

3. Kỳ công bố Kịch bản nguồn nước, trong mùa cạn năm 2025 (từ tháng 01/2025 đến tháng 6/2025).

(Chi tiết Kịch bản nguồn nước kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức, thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng và Bắc Kạn, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chỉ đạo việc lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với Kịch bản nguồn nước ban hành kèm theo Quyết định này quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều 35 của Luật Tài nguyên nước và khoản 2 Điều 43 của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

2. Căn cứ Kịch bản nguồn nước được công bố, hiện trạng nguồn nước, nhu cầu sử dụng nước, nhận định xu thế khí tượng thủy văn, Cục Quản lý tài nguyên nước chủ trì, phối hợp với Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia, Viện Khoa học tài nguyên nước, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu tính toán, cập nhật và trình Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định việc cập nhật Kịch bản nguồn nước trong trường hợp xảy ra những diễn biến bất thường về khí tượng, thủy văn hoặc phát sinh các yêu cầu đối với nguồn nước nhằm đảm bảo an ninh nguồn nước cấp cho sinh hoạt, an ninh lương thực.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng và Bắc Kạn và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu và phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường để xây dựng, cập nhật Kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng.

4. Văn phòng Bộ, Báo Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Truyền thông tài nguyên và môi trường phối hợp với Cục Quản lý tài nguyên nước để đăng tải Kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng và Bắc Kạn chỉ đạo việc đăng tải Kịch bản nguồn nước trên cổng thông tin điện tử của địa phương theo quy định tại khoản 6 Điều 41 của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước, Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Tổng giám đốc Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia, Viện trưởng Viện Khoa học tài nguyên nước, Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Thủ trưởng các đơn vị quản lý nhà nước trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- PTTg CP. Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Các Bộ: NN&PTNT, Công Thương, Xây dựng;
- UBND các tỉnh: Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn;
- Các Sở TNMT, NN&PTNT, XD, CT các tỉnh: Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn;
- Đài truyền hình Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam, NSMO;
- Báo TN&MT, TT Truyền thông TN&MT;
- Lưu: VT, VP, PC, TNN (10).

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Minh Ngân

**KỊCH BẢN NGUỒN NƯỚC (LẦN ĐẦU)
TRÊN LƯU VỰC SÔNG BẰNG GIANG - KỲ CÙNG**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Kịch bản nguồn nước (lần đầu) trên lưu vực sông (LVS) Bằng Giang - Kỳ Cùng (sau đây gọi tắt là Kịch bản nguồn nước) được xây dựng trên cơ sở quy định tại Điều 35 của Luật Tài nguyên nước; Nghị quyết số 141/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV; Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050¹ và Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050²; hiện trạng nguồn nước mặt, nước dưới đất, hiện trạng tích trữ nước trong các hồ chứa trên lưu vực, nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên nước; nhận định xu thế diễn biến lượng mưa, lượng dòng chảy, mực nước trong các tầng chứa nước và thông tin, số liệu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn và các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước quy mô lớn, quan trọng trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng cung cấp.

Phạm vi xây dựng Kịch bản nguồn nước được phân chia thành 04 (bốn) tiểu lưu vực sông theo Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Kịch bản nguồn nước*). Kỳ công bố Kịch bản được tính toán, đánh giá trong mùa cạn năm 2025 (từ tháng 01 đến tháng 6 năm 2025).

Nội dung Kịch bản nguồn nước (lần đầu) thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 41 của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP, gồm những nội dung chính sau:

I. HIỆN TRẠNG NGUỒN NƯỚC TRÊN LƯU VỰC SÔNG BẰNG GIANG - KỲ CÙNG

1. Hiện trạng nguồn nước mưa, nước mặt

Tổng lượng mưa từ tháng 6 đến tháng 12/2024 trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng phổ biến cao hơn trung bình nhiều năm (TBNN)³. Từ tháng 6 đến tháng 9, lượng mưa tăng cao hơn TBNN từ 1,5 đến 02 lần.

¹ Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ

² Quyết định số 1969/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ

³ TBNN tính từ năm 1991 đến nay

Tổng lượng dòng chảy từ tháng 6 đến tháng 12/2024 trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng cao hơn trung bình thời kỳ 2015-2023 (TBTK)⁴ từ 70% đến 80%, cụ thể đối với các tiểu lưu vực sông như sau:

- Tiểu lưu vực sông Bằng Giang: dòng chảy từ tháng 6 đến tháng 9/2024 cao hơn TBTK khoảng 02 lần.

- Tiểu lưu vực sông Kỳ Cùng: dòng chảy từ tháng 6 đến tháng 12/2024 cao hơn TBTK khoảng 86%.

- Tiểu lưu vực sông Bắc Giang và Bắc Khê: dòng chảy trung bình từ tháng 6 đến tháng 9/2024 cao hơn TBTK khoảng 72%.

2. Hiện trạng nguồn nước dưới đất

Các tầng chứa nước trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng bao gồm: các tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Đệ tứ không phân chia, tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích, tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat, cụ thể như sau:

- Các tầng chứa nước lỗ hổng trong các trầm tích bờ rời hệ Đệ tứ không phân chia (q) phân bố chủ yếu ở các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn với diện tích khoảng 58km², có chiều sâu phân bố từ 2m đến 8m.

- Các tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích và tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat phân bố rộng rãi trên toàn lưu vực với diện tích khoảng 10.731 km², có chiều sâu phân bố từ 1m đến 150m, có khả năng chứa nước tốt và đang được khai thác chủ yếu tại tiểu lưu vực sông Kỳ Cùng (chiếm khoảng 78% toàn lưu vực).

Tổng trữ lượng nước dưới đất có thể khai thác trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng khoảng 1,13 tỷ m³/năm (tiểu LVS Bằng Giang: 0,45 tỷ m³/năm, tiểu LVS Bắc Khê: 0,03 tỷ m³/năm, tiểu LVS Bắc Giang: 0,28 tỷ m³/năm và tiểu LVS Kỳ Cùng: 0,37 tỷ m³/năm)⁵. Trong đó, đang khai thác khoảng 0,015 tỷ m³/năm (chiếm 1,32%), tập trung chủ yếu tại tiểu lưu vực sông Kỳ Cùng.

Các thành tạo, phức hệ nghèo hoặc không chứa nước bao gồm các đá magma xâm nhập của các phức hệ Pia Ma, Ngân Sơn, Phia Bjoóc, Cao Bằng... phân bố chủ yếu ở Bảo Lạc, Nguyên Bình, Hòa An, phía Tây và Đông Nam thành phố Cao Bằng thuộc tiểu lưu vực sông Bằng Giang và Bắc Giang với tổng diện tích khoảng 186 km².

3. Hiện trạng tích nước của các hồ chứa

3.1. Đối với các hồ chứa thủy điện

Trên lưu vực hiện có 12 công trình thủy điện đã đi vào vận hành với tổng công suất khoảng 111,3MW, hầu hết các công trình này có quy mô vừa và nhỏ,

⁴ TBTK là thời kỳ các công trình khai thác, sử dụng nước đã vận hành.

⁵ Quyết định số 1969/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

hoạt động theo chế độ điều tiết ngày đêm với tổng dung tích toàn bộ khoảng 87,6 triệu m³ và tổng dung tích hữu ích khoảng 20 triệu m³.

Trong năm 2024, nhận định về cơ bản, nguồn nước trên lưu vực đều đáp ứng cho nhu cầu phát điện theo thiết kế. Trong đó, công trình thủy điện Thác Xăng đã khai thác khoảng 1,3 tỷ m³ cao hơn khoảng 11% so với trung bình thời kỳ 2017-2023 (giai đoạn từ khi công trình đi vào vận hành), sản lượng điện đạt khoảng 82,71 triệu kWh; sản lượng điện của công trình thủy điện Tiên Thành khoảng 55 triệu kWh, cao hơn khoảng 44% so với trung bình thời kỳ 2019-2023; sản lượng điện của công trình thủy điện Hòa Thuận khoảng 65 triệu kWh, cao hơn khoảng 35% so với trung bình thời kỳ 2019-2023⁶.

3.2. Đối với các hồ chứa thủy lợi

Trên lưu vực hiện có khoảng 127 hồ chứa thủy lợi có dung tích từ 0,05 triệu m³ trở lên với tổng dung tích toàn bộ khoảng 151 triệu m³. Trong đó: 05 hồ có dung tích từ 3 triệu m³ trở lên với tổng dung tích khoảng 93 triệu m³; 16 hồ có dung tích từ 1 triệu m³ đến dưới 3 triệu m³ với tổng dung tích khoảng 31,1 triệu m³, còn lại 106 hồ chứa có dung tích dưới 1 triệu m³ với tổng dung tích khoảng 27 triệu m³.

- Đối với nhóm hồ có dung tích từ 3 triệu m³ trở lên, bao gồm các hồ: Bản Lãi, Nà Cáy, Tà Keo, Khuổi Khoán, Bản Viêt thuộc tiểu lưu vực sông Bằng Giang và tiểu lưu vực sông Kỳ Cùng. Tính đến ngày 01/01/2025, các hồ trên đã tích nước đạt 64% đến 100% dung tích thiết kế, cao hơn khoảng 13% so với trung bình thời kỳ 2020 đến nay.

Bảng 1. Hiện trạng tích nước của các hồ chứa thủy lợi có dung tích từ 3 triệu m³ trở lên

TT	Hồ chứa	Tiểu lưu vực sông	H hiện tại (m)	W hiện tại (tr. m ³) 01/01/2025	MNDBT (m)	W thiết kế (tr. m ³)	% W hiện tại so với W thiết kế
1	Bản Lãi	Kỳ Cùng	300,97	52,82	303,1	65,61 ⁷	80,5
2	Nà Cáy	Kỳ Cùng	316,3	4,47	317,5	5,5	81,3
3	Tà Keo	Kỳ Cùng	332,75	9,69	336,2	15,1	64,2
4	Khuổi Khoán	Bằng Giang	236,0	3,71	236,0	3,71	100
5	Bản Viêt	Bằng Giang	432,6	2,9	434,3	3,14	92
Tổng				73,59		93,06	80

⁶ Số liệu các tổ chức khai thác công trình cung cấp.

⁷ Hồ Bản Lãi chỉ xét dung tích đến MNDBT.

- Đối với nhóm hồ có dung tích dưới 3 triệu m³: tính đến thời điểm đầu tháng 01/2025, các hồ trên đã tích nước đạt khoảng từ 72-100%⁸.

Bảng 2. Tổng hợp các hồ có dung tích dưới 3 triệu m³ theo tiểu lưu vực sông

TT	Tên tiểu lưu vực sông	Hồ $1 \times 10^6 \text{ m}^3 \leq W_{tb} < 3 \times 10^6 \text{ m}^3$		Hồ $W_{tb} < 1 \times 10^6 \text{ m}^3$	
		Số lượng	Tổng W_{tb} (10^6 m^3)	Số lượng	Tổng W_{tb} (10^6 m^3)
1	Bằng Giang	5	9,4	12	3,3
2	Bắc Khê	2	3,47	11	4,87
3	Bắc Giang	1	1,89	30	6,14
4	Kỳ Cùng	8	16,38	53	12,34
	Tổng	16	31,14	106	26,65

II. DỰ BÁO XU THẾ DIỄN BIẾN MƯA, DÒNG CHẢY, MỨC NƯỚC DƯỚI ĐẤT TRONG KỲ CÔNG BỐ KỊCH BẢN NGUỒN NƯỚC

1. Hiện tượng ENSO đang trong trạng thái trung tính, với chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển khu vực xích đạo trung tâm Thái Bình Dương. Dự báo trong 06 tháng đầu năm 2025, ENSO tiếp tục có khả năng ở trạng thái trung tính. Từ tháng 01 đến tháng 6/2025, nhiệt độ trung bình phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

2. Tổng lượng mưa trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng từ tháng 01 đến tháng 6/2025 có xu thế cao hơn TBNN. Tổng lượng mưa các tháng 02, 4, 5, 6 trên các tiểu lưu vực sông có xu hướng cao hơn so với TBNN khoảng 40%, tuy nhiên, tổng lượng mưa tháng 3/2025 dự báo trên các tiểu lưu vực sông Bắc Giang và Kỳ Cùng có xu thế thấp hơn so với TBNN.

3. Nhận định dòng chảy các tháng mùa cạn

Từ tháng 01 đến tháng 6/2025, tổng lượng dòng chảy trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng có xu thế tăng cao hơn TBTK từ 9% đến 18% nhưng thấp hơn cùng kỳ năm 2024, cụ thể đối với các tiểu lưu vực sông như sau:

- Tiểu lưu vực sông Bằng Giang tại trạm thủy văn Cao Bằng có xu thế tăng so với TBTK khoảng 16%, riêng tháng 6/2025, dòng chảy có xu thế giảm nhẹ so với TBTK.

- Tiểu lưu vực sông Kỳ Cùng tại trạm thủy văn Lạng Sơn có xu thế giảm so với TBTK từ 3% đến 11%.

- Tiểu lưu vực sông Bắc Giang và Bắc Khê có xu thế tăng so với TBTK khoảng 25%.

⁸ Số liệu các Bộ, ngành, địa phương cung cấp

4. Mục nước trong tầng chứa nước dưới đất

Mục nước thấp nhất tại các giếng khai thác của các công trình đã được cấp phép trong tầng chứa nước hệ tầng Đồng Đăng (thuộc tầng khe nứt Karst) tại tỉnh Lạng Sơn đo được năm 2024 khoảng 26m, nhỏ hơn so với ngưỡng giới hạn mục nước theo quy định (không vượt quá 35m đối với khu vực nội thành các thành phố, thị xã; không vượt quá 30m đối với khu vực khác)⁹. Về cơ bản, mục nước dưới đất năm 2025 ổn định và thay đổi không đáng kể so với cùng kỳ với năm 2024.

III. NHU CẦU KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC CỦA CÁC NGÀNH TRONG KỲ CÔNG BỐ KỊCH BẢN

Tổng nhu cầu khai thác, sử dụng nước của các ngành (trừ thủy điện) trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng từ tháng 01 đến tháng 6/2025 khoảng 297 triệu m³, trong đó tiểu lưu vực sông Bằng Giang khoảng 107 triệu m³, tiểu lưu vực sông Bắc Khê khoảng 20 triệu m³, tiểu lưu vực sông Bắc Giang khoảng 66 triệu m³ và tiểu lưu vực sông Kỳ Cùng khoảng 104 triệu m³.

Nhìn chung, nhu cầu khai thác, sử dụng nước của các ngành trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng trong kỳ công bố Kịch bản xấp xỉ năm 2024. Khu vực các thành phố Cao Bằng, Lạng Sơn vẫn là khu vực có nhu cầu khai thác, sử dụng nước lớn nhất. Nhu cầu nước cho một số ngành chính trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng cụ thể như sau:

1. Nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp

Trên phạm vi toàn lưu vực có khoảng 68 công trình cấp nước tập trung với lưu lượng khai thác khoảng 98.000 m³/ngày đêm¹⁰ (tương đương 17,64 triệu m³). Trong đó, có khoảng 44 công trình khai thác nước mặt với tổng lưu lượng khai thác khoảng 80.000 m³/ngày đêm, 24 công trình khai thác nước dưới đất tập trung với lưu lượng khai thác khoảng 18.000 m³/ngày đêm.

a) Tiểu lưu vực sông Bằng Giang: có 16 công trình cấp nước tập trung với lưu lượng khai thác khoảng 24.600 m³/ngày đêm (tương đương 4,43 triệu m³). Trong đó, có 14 công trình khai thác nước mặt với lưu lượng khai thác khoảng 23.000 m³/ngày đêm (tương đương 4,14 triệu m³) và 02 công trình khai thác nước dưới đất với lưu lượng khai thác khoảng 1.600 m³/ngày đêm (tương đương 0,23 triệu m³).

b) Tiểu lưu vực sông Bắc Khê: có 01 công trình khai thác nước mặt tập trung có lưu lượng khai thác 1.200 m³/ngày đêm (tương đương 0,22 triệu m³).

c) Tiểu lưu vực sông Bắc Giang: có 13 công trình cấp nước tập trung với lưu lượng khai thác khoảng 13.800 m³/ngày đêm (tương đương 2,5 triệu m³). Trong đó, có 08 công trình khai thác nước mặt với lưu lượng khai thác khoảng

⁹ Báo cáo tình hình cấp phép của tỉnh Lạng Sơn;

¹⁰ Nguồn số liệu từ Báo cáo Quy hoạch tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn và Lạng Sơn, số liệu nêu trên chưa kể đến 1416 công trình cấp nước tập trung nông thôn (LVS Bằng Giang, và Bắc Khê có 955 công trình khoảng 14.555 m³/ngày đêm; LVS Kỳ Cùng 421 công trình và Bắc Kạn có 40 công trình).

11.000 m³/ngày đêm (tương đương 1,98 triệu m³) và 05 công trình khai thác nước dưới đất với lưu lượng khai thác khoảng 2.800 m³/ngày đêm (tương đương 0,5 triệu m³).

d) Tiểu lưu vực sông Kỳ Cùng: có 38 công trình cấp nước tập trung có lưu lượng khai thác 58.500 m³/ngày đêm (tương đương 10,53 triệu m³). Trong đó, có 21 công trình khai thác nước mặt với lưu lượng khai thác khoảng 44.500 m³/ngày đêm (tương đương 8,01 triệu m³) và 17 công trình khai thác nước dưới đất với lưu lượng khai thác khoảng 14.000 m³/ngày đêm (tương đương 2,52 triệu m³).

2. Nhu cầu nước cho nông nghiệp

Trên phạm vi toàn lưu vực có khoảng 127 hồ chứa thủy lợi có quy mô từ 0,05 triệu m³ trở lên và 82 trạm bơm cấp nước cho nông nghiệp và nhiều công trình thủy lợi nhỏ khác do các cấp địa phương quản lý¹¹. Tổng nhu cầu nước cho nông nghiệp trong mùa cạn năm 2025 khoảng 230 triệu m³ (tháng 02 có lưu lượng khai thác lớn nhất khoảng 78,4 triệu m³), cấp nước tưới khoảng 46.000 ha.

a) Tiểu lưu vực sông Bằng Giang: có khoảng 55 công trình cấp nước cho nông nghiệp (19 hồ, đập và 36 trạm bơm) với tổng lượng nước khai thác khoảng 149 triệu m³, cấp nước tưới cho khoảng 33.000 ha. Nhu cầu sử dụng nước lớn nhất tháng khoảng 51 triệu m³.

b) Tiểu lưu vực sông Bắc Khê: có khoảng 14 công trình cấp nước cho nông nghiệp (13 hồ, đập và 01 trạm bơm) với tổng lượng nước khai thác khoảng 19 triệu m³, cấp nước tưới cho khoảng 3.100 ha. Nhu cầu sử dụng nước lớn nhất tháng khoảng 6 triệu m³.

c) Tiểu lưu vực sông Bắc Giang: có khoảng 53 công trình cấp nước cho nông nghiệp (31 hồ, đập và 22 trạm bơm) với tổng lượng nước khai thác khoảng 4 triệu m³, cấp nước tưới cho khoảng 700 ha. Nhu cầu sử dụng nước lớn nhất tháng khoảng 1,4 triệu m³.

d) Tiểu lưu vực sông Kỳ Cùng: có khoảng 87 công trình cấp nước cho nông nghiệp (64 hồ, đập, 23 trạm bơm) với tổng lượng nước khai thác khoảng 59 triệu m³, cấp nước tưới cho khoảng 9.600 ha. Nhu cầu sử dụng nước lớn nhất tháng khoảng 20 triệu m³.

IV. TRẠNG THÁI CỦA NGUỒN NƯỚC TRÊN LƯU VỰC SÔNG BẰNG GIANG - KỶ CÙNG

Trên cơ sở thông tin, số liệu về hiện trạng, dự báo xu thế diễn biến nguồn nước của các hồ chứa quan trọng, nguồn nước trên các tiểu lưu vực sông, trong các tầng chứa nước dưới đất, dự báo khí tượng, thủy văn trên lưu vực sông¹², nhận định khả năng nguồn nước trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng trong mùa cạn năm 2025 ở **“Trạng thái bình thường”**.

¹¹ Lạng Sơn có tổng số 2.808 công trình (160 hồ chứa, 1.481 phai, đập dâng các loại, 163 trạm bơm, 1.004 công trình tạm), tưới cho 50.000 ha lúa 2 vụ (lúa xuân trên 15.000 ha); Cao Bằng có hơn 3.655 công trình (có 23 hồ chứa thủy lợi có dung tích từ 0,1 triệu m³, 76 trạm bơm, còn lại 3.556 công trình là kênh mương, đập dâng, phai tạm; Bắc Kạn phần thuộc lưu vực có 470 công trình trong đó có 14 hồ (hồ có dung tích nhỏ từ 0,2 - 0,6 triệu m³, riêng hồ Bản Chang, hồ Khuổi Khe có dung tích trên 1 triệu m³). Số liệu này chưa kể các công trình nhỏ lẻ khác.

¹² Số liệu các Bộ, ngành, địa phương cung cấp đến tháng 12/2024.

Tuy nhiên, một số vùng, tiểu lưu vực sông **vẫn còn có nguy cơ xuất hiện tình trạng thiếu nước cục bộ** do thiếu hụt lượng mưa, lượng dòng chảy, năng lực lấy nước và số lượng của các công trình khai thác, công trình, hệ thống công trình thủy lợi còn thiếu, chưa đồng bộ, cụ thể như sau:

1. Đối với tỉnh Cao Bằng: nguy cơ thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp có thể xảy ra tại các **huyện Nguyên Bình (các xã Triệu Nguyên, Yên Lạc, Vũ Minh, Minh Tâm), huyện Hòa An (các xã Đức Long, Đại Tiên, Hoàng Tung), huyện Quảng Hòa (xã Hồng Quang), huyện Hoà An (các xã Nước Hai, Bạch Đằng), huyện Trùng Khánh (xã Cao Chương) và thành phố Cao Bằng (xã Vinh Quang).**

Trong đó, đặc biệt khả năng cao xảy ra nguy cơ thiếu nước sinh hoạt tại **vùng Lục Khu của huyện Hà Quảng (gồm các xã Lũng Nặm, Tổng Cọt, Nội Thôn, Cải Viên, Thượng Thôn, Mã Ba, Hồng Sỹ) và huyện Quảng Hòa (các xã Chí Thảo, Hồng Quang).**

2. Đối với tỉnh Bắc Kạn: nguy cơ thiếu nước cho sản xuất cho nông nghiệp có thể xảy ra tại **huyện Na Rì (các xã Xuân Dương, Lương Thượng).**

3. Đối với tỉnh Lạng Sơn: nguy cơ thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp có thể xảy ra tại các **huyện Tràng Định (xã Tri Phương), huyện Văn Lãng (các xã Hoàng Văn Thụ, Hoàng Việt), huyện Bình Gia (xã Hoàng Văn Thụ) và thành phố Lạng Sơn (các xã Hoàng Đồng, Mai Pha, Quảng Lạc).**

V. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

Về cơ bản, nguồn nước trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng ở trạng thái bình thường. Tuy nhiên, nguồn nước trên một số tiểu lưu vực sông vẫn tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tình trạng thiếu nước cục bộ (tiểu lưu vực sông Bắc Giang và tiểu vùng Mo Pia thuộc tiểu lưu vực sông Kỳ Cùng) và nguyên nhân chính dẫn đến nguy cơ thiếu nước ở các tiểu vùng do thiếu hụt lượng mưa, lượng dòng chảy, năng lực lấy nước và số lượng các công trình khai thác, công trình thủy lợi còn thiếu, chưa đồng bộ. Đặc biệt đối với **07 xã Lũng Nặm, Tổng Cọt, Nội Thôn, Cải Viên, Thượng Thôn, Mã Ba, Hồng Sỹ (vùng Lục Khu) của huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng** là khu vực có địa hình cao, lượng mưa ít, không có sông, suối cung cấp nước và khan hiếm nước dưới đất nên **khả năng cao xảy ra thiếu nước sinh hoạt.**

Để giảm thiểu nguy cơ có thể xảy ra thiếu nước, ưu tiên đảm bảo cấp nước cho sinh hoạt trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng trong mọi tình huống, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị:

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên lưu vực sông, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, chỉ đạo việc chủ động lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước **theo nhu cầu sử dụng nước bình thường** của từng ngành, lĩnh vực và địa

phương¹³. Tuy nhiên, các kế hoạch sử dụng nước phải lập trên nguyên tắc tiết kiệm nước, **tránh thất thoát, lãng phí**, dự phòng nguy cơ xảy ra thiếu nước trong các tháng cuối mùa cạn, đặc biệt là các địa phương có nguy cơ xảy ra thiếu nước nêu trên.

2. UBND các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn và Lạng Sơn:

- Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tổ chức rà soát, điều chỉnh các quy trình vận hành công trình thủy lợi bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đa mục tiêu, chống thất thoát, lãng phí nước và bảo đảm lưu thông của dòng chảy trong hệ thống công trình, ô nhiễm nguồn nước.

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống dẫn nước từ các hồ chứa thủy lợi, đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn nước, tránh thất thoát, lãng phí; đối với các hồ chứa thủy lợi vừa và nhỏ chỉ điều tiết nước cho hoạt động tưới khi thực sự có nhu cầu.

- Rà soát, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, áp dụng các mô hình tưới tiết kiệm, đặc biệt đối với các khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước **tại tiểu vùng Mo Pia và tiểu lưu vực sông Bắc Giang**, trong đó: ưu tiên cấp nước sinh hoạt, nước tưới cho cây trồng có giá trị kinh tế cao; chuyển diện tích trồng lúa sang các loại cây trồng phù hợp, tiết kiệm nước.

- Xây dựng các công trình điều tiết, trữ nước trong quy hoạch về tài nguyên nước và các quy hoạch khác có liên quan, ưu tiên các tiểu vùng có nguy cơ xảy ra hạn hán, thiếu nước (**tiểu lưu vực sông Bắc Giang thuộc các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn; tiểu vùng Mo Pia thuộc tiểu lưu vực sông Kỳ Cùng, tỉnh Lạng Sơn**).

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với một số dòng chính chảy qua khu đô thị, khu công nghiệp như sông Bằng Giang đoạn chảy qua thành phố Cao Bằng, thị trấn Nước Hai, sông Kỳ Cùng đoạn chảy qua thành phố Lạng Sơn, thị trấn Cao Lộc, thị trấn Đồng Đăng,... và các đoạn sông bị ô nhiễm do các hoạt động khai thác khoáng sản (sông Hiến).

3. Đối với UBND tỉnh Lạng Sơn:

- Sớm hoàn thiện hệ thống thủy lợi Bản Lải đảm bảo nhiệm vụ cấp nước, phòng lũ và các nhiệm vụ khác; đảm bảo sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

- Rà soát, nâng cao khả năng lấy nước và hiệu quả sử dụng nước đối với các công trình thủy lợi Tà Keo, Nà Cáy.

- Khai thác hiệu quả nguồn nước các hồ chứa Nà Tâm, Thâm Sinh, Bó Diêm, Rọ Hoạt, Kéo Páng để giảm thiểu ảnh hưởng do hạn hán, thiếu nước.

- Ưu tiên xây dựng các công trình điều tiết, tích trữ nước ở vùng khan hiếm nước, khó khăn nguồn nước trên địa bàn tỉnh¹⁴, cụ thể: các xã Tri Phương,

¹³ Khoản 6 Điều 35 Luật Tài nguyên nước và Điều 43 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

¹⁴ Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn.

huyện Tràng Định; các xã Hoàng Văn Thụ, Hoàng Việt, huyện Văn Lãng; các xã Hoàng Đồng, Mai Pha, Quảng Lạc, TP. Lạng Sơn.

4. Đối với UBND tỉnh Cao Bằng:

- Chỉ đạo khai thác hiệu quả nguồn nước các hồ chứa Bản Nua, Khuổi Lái, Nà Tấu.

- Ưu tiên xây dựng các công trình điều tiết, tích trữ nước ở vùng khan hiếm nước, khó khăn nguồn nước trên địa bàn tỉnh, cụ thể: vùng Lục Khu (các xã Lũng Nặm, Tổng Cọt, Nội Thôn, Cải Viên, Thượng Thôn, Mã Ba, Hồng Sỹ) và các xã Chí Thảo, Hồng Quang, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Đồng thời, có các giải pháp khác như dẫn nước từ các hồ thủy lợi hiện có về các khu vực thiếu nước mưa, nguồn nước dưới đất khan hiếm; hồ chứa, hồ treo,...

- Khẩn trương cải tạo, nâng cấp các nhà máy nước đô thị và xây dựng, đưa các nhà máy nước, mạng lưới cấp nước vào hoạt động theo đúng tiến độ và lộ trình, trong đó lưu ý thị trấn Nước Hai.

5. Đối với UBND tỉnh Bắc Kạn:

- Chỉ đạo khai thác hiệu quả nguồn nước hồ Bản Chang để giảm thiểu ảnh hưởng của hạn hán, thiếu nước.

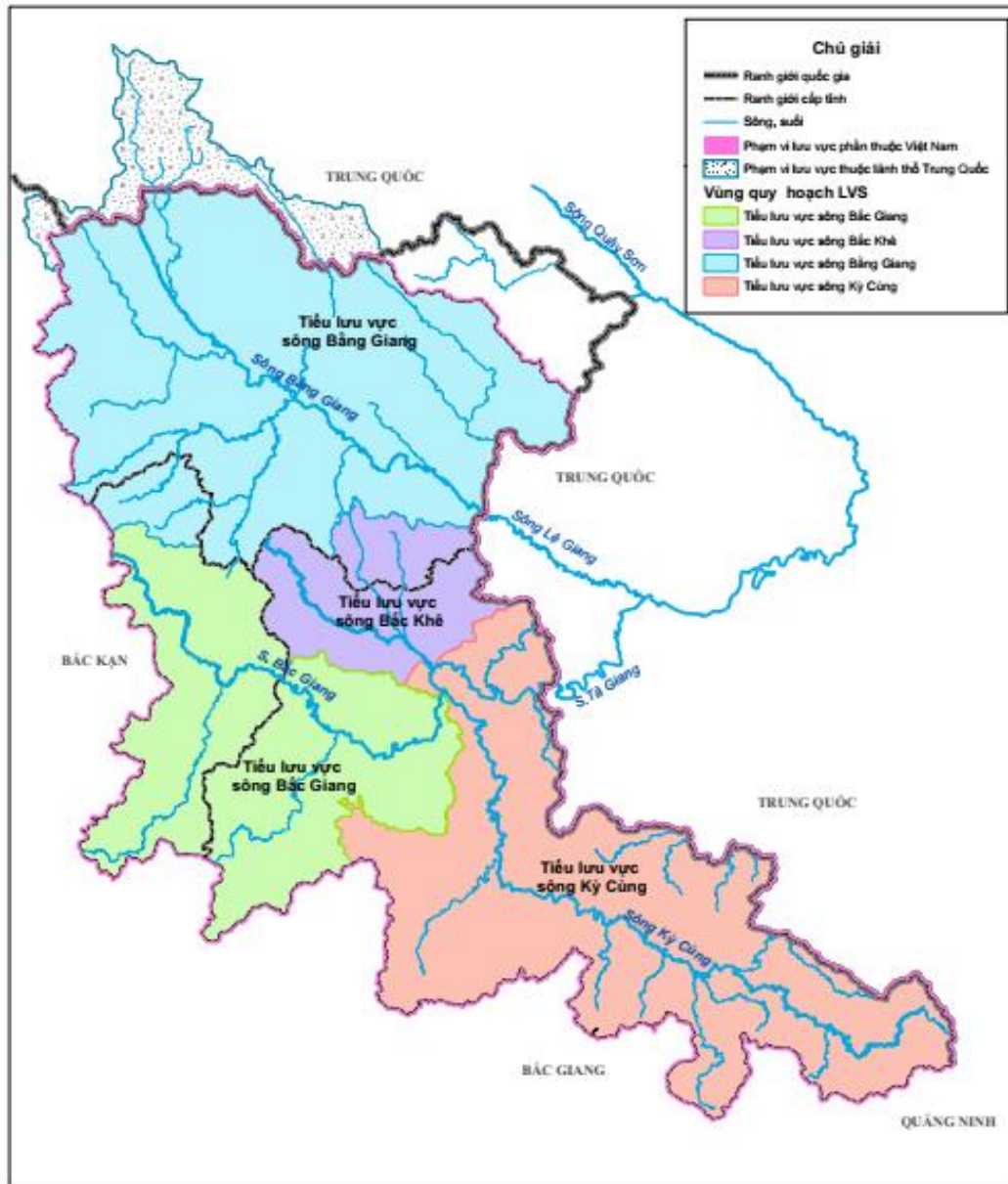
- Ưu tiên xây dựng các công trình điều tiết, tích trữ nước ở vùng khan hiếm nước, khó khăn nguồn nước các xã Xuân Dương, Lương Thượng, huyện Na Rì.

Phụ lục

PHẠM VI XÂY DỰNG KỊCH BẢN

(Kèm theo Kịch bản nguồn nước (lần đầu) trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần diện tích lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng thuộc lãnh thổ Việt Nam bao gồm 04 tiểu lưu vực sông, cụ thể: tiểu lưu vực sông Bằng Giang; tiểu lưu vực sông Bắc Khê; tiểu lưu vực sông Bắc Giang và tiểu lưu vực sông Kỳ Cùng.



Sơ đồ phạm vi xây dựng kịch bản lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng

TT	Tên vùng	Phạm vi hành chính (tỉnh/huyện)	Diện tích (km²)
1	Bắc Giang	Toàn bộ huyện Hà Quảng, huyện Quảng Hòa, TP Cao Bằng, huyện Hòa An, 09 xã huyện Thạch An, 15 xã huyện Nguyên Bình, 12 xã huyện Trùng Khánh, 08 xã huyện Hạ Lang tỉnh Cao Bằng; 04 xã huyện Ngân Sơn tỉnh Bắc Kạn.	4.331
2	Bắc Khê	09 xã huyện Thạch An tỉnh Cao Bằng; 17 xã huyện Tràng Định tỉnh Lạng Sơn.	858
3	Bắc Giang	15 xã huyện Bình Gia, 05 xã huyện Bắc Sơn, 03 xã huyện Tràng Định, 04 xã huyện Văn Lãng tỉnh Lạng Sơn; 04 xã huyện Ngân Sơn, 02 xã huyện Chợ Mới, 16 xã và 01 Thị trấn huyện Na Rì tỉnh Bắc Kạn.	2.486
4	Kỳ Cùng	Toàn bộ huyện Cao Lộc, Văn Quan, thành phố Lạng Sơn, 04 xã huyện Đình Lập, 27 xã huyện Lộc Bình, 05 xã huyện Chi Lăng, 06 xã huyện Bình Gia, 17 xã huyện Văn Lãng, 07 xã huyện Tràng Định tỉnh Lạng Sơn.	3.171
Tổng cộng			10.847